

C, ngày 05 tháng 6 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 68/2018/TLST-HNGĐ, ngày 03 tháng 5 năm 2018, giữa:

Nguyên đơn: Chị Văn Thị L - Sinh năm: 1984

Trú tại: Tổ A, Thị trấn C, huyện C, Tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Anh Trịnh Minh Đ - Sinh năm: 1985

Trú tại: Tổ A, Thị trấn C, huyện C, Tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ vào điều 212 và điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào các điều 54; 55, 81, 82 và điều 83 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành của các đương sự ngày 28 tháng 5 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 5 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Văn Thị L và anh Trịnh Minh Đ

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về hôn nhân:* Chị Văn Thị L và anh Trịnh Minh Đ thỏa thuận thuận tình ly hôn.

- *Về con cái:* Hai bên thống nhất có 2 con chung là cháu Trịnh Phương U – Sinh ngày: 30/01/2008; Trịnh Trí K – Sinh ngày: 01/9/2012.

Công nhận sự thỏa thuận nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung giữa chị L và anh Đ như sau:

Giao cháu Phương U và cháu Trí K cho chị L có trách nhiệm nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Anh Đ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cho mỗi

cháu là 5.000.000đ/ tháng đến khi các cháu đủ tuổi thành niên. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 7/2018, theo định kỳ hàng tháng.

Anh Đ có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

- *Về tài sản*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về công nợ*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí*: Áp dụng khoản 3, khoản 4 điều 147 - BLTTDS; khoản 6 điều 19; điểm a khoản 1 điều 24; khoản 5 điều 27 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. chị L phải chịu 75.000đ án phí DSST. Anh Đ phải chịu 75.000đ án phí DSST và 150.000đ án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Chị L nhận nộp cả phần án phí cho anh Đ. Chị L đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2017/0003651, ngày 02/5/2018, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Thanh Hóa được trừ vào tiền án phí DSST. Chị L, anh Đ không phải nộp nữa.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện C;
- Ban Tư pháp Thị trấn C;
- Phòng Kiểm tra nghiệp vụ và THA, TAND tỉnh Thanh hóa;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các cơ quan hữu quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Luyện